

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4160~~/ĐA-UBND

Quảng Trị, ngày 22 tháng 8 năm 2026

ĐỀ ÁN TỔNG THỂ
Sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập
thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW¹; ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Hội nghị sơ kết 01 năm vận hành mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (ngày 01/7/2026); định hướng sắp xếp đơn vị sự nghiệp tại Công văn số 59-CV/BCĐ², Nghị quyết số 105/NQ-CP³, Nghị quyết số 180/NQ-CP⁴, Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026, Công văn số 814/TTg-CV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã, Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị lần thứ 16 (tại Thông báo số 418-TB/TU ngày 29/7/2026); UBND tỉnh ban hành Đề án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị như sau:

Phần I

THỰC TRẠNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ

I. THỰC TRẠNG VỀ QUY MÔ SỐ TRƯỜNG, SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH

Đến ngày 30/7/2026, toàn tỉnh có 76 cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Trường Trung học phổ thông (THPT): 49 trường, với 49 điểm trường (bao gồm các điểm trường chính), 1.336 lớp và 55.630 học sinh;
- Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông (THCS và THPT): 10 trường, với 10 điểm trường (bao gồm các điểm trường chính), 237 lớp và 9.259 học sinh;
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX):

¹ Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

² Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

³ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210/KL-TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

⁴ Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương



13 trung tâm, với 24 điểm trường (bao gồm các điểm trường chính), 169 lớp và 6.718 học sinh.

- Trường Giáo dục chuyên biệt (GDCB): 04 trường, với 05 điểm trường (bao gồm các điểm trường chính), 45 lớp và 369 học sinh.

II. THỰC TRẠNG VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Biên chế tạm giao năm 2026: 4.201 biên chế;

- Biên chế hiện có mặt tại thời điểm 01/6/2026: 4.135 người. So với biên chế tạm được giao còn 66 biên chế chưa sử dụng (đang tổ chức tuyển dụng 54 biên chế).

(Chi tiết của từng trường tại Phụ lục 1 đính kèm).

III. ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

Thứ nhất, hệ thống các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã được hình thành tương đối ổn định, phân bố hợp lý theo điều kiện dân cư và địa bàn, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân.

Thứ hai, các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về đổi mới tổ chức bộ máy, phát triển giáo dục và sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập đã được ban hành tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc nghiên cứu và triển khai phương án sắp xếp.

Thứ ba, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các trường từng bước được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; nhiều trường đã được đầu tư đồng bộ, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao, có khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

Thứ năm, việc hoàn thành sắp xếp hệ thống trung tâm GDTX, GDNN-GDTX, sáp nhập Trường THPT Nguyễn Hữu Thận vào Trường THPT Triệu Phong từ ngày 01/7/2026 đã tạo tiền đề quan trọng để tiếp tục nghiên cứu đổi mới mạng lưới các cơ sở giáo dục thuộc Sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu, giải quyết.

Một số trường THPT có quy mô nhỏ, chưa đạt quy mô tối thiểu theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong khi đó điều kiện địa lý, giao thông và phân bố dân cư chưa cho phép thực hiện sáp nhập một cách cơ học.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, trên một số địa bàn xuất hiện từ hai THPT trở lên trong cùng một đơn vị hành chính. Tuy nhiên, phần lớn các trường đều được hình thành từ lâu, phục vụ các khu vực tuyển sinh khác nhau,

có cơ sở vật chất độc lập và giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm cơ hội học tập của học sinh.

Địa hình của tỉnh còn nhiều khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới; khoảng cách giữa các khu dân cư với trường học còn lớn. Nếu sắp xếp không phù hợp sẽ làm tăng quãng đường đi học, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì sĩ số và chất lượng giáo dục.

Việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đòi hỏi phải bảo đảm đủ giáo viên theo cơ cấu môn học, trong khi tình trạng thiếu giáo viên cục bộ ở một số môn học vẫn chưa được khắc phục triệt để.

Công tác sắp xếp các cơ sở giáo dục còn gắn với yêu cầu xử lý đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động dôi dư; sắp xếp, quản lý tài sản công; bố trí cơ sở vật chất và tổ chức lại hoạt động của các nhà trường, do đó cần có lộ trình phù hợp, tránh gây xáo trộn lớn trước mắt.

Từ thực trạng nêu trên cho thấy, việc xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị là yêu cầu cần thiết nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và của tỉnh; từng bước cơ cấu lại mạng lưới trường học theo hướng tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời bảo đảm quyền học tập của học sinh, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất và các nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của tỉnh trong giai đoạn mới.

Phần II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đột phá phát triển giáo dục, việc rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Căn cứ Văn bản số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ. Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Trị đã chủ động triển khai sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Đề án số 2676/ĐA-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc

thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, bước đầu tinh gọn đầu mối, phù hợp với việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và bảo đảm ổn định hoạt động dạy học sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Tuy nhiên, kết quả đạt được mới đáp ứng yêu cầu trước mắt; số lượng cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh nói chung, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo nói riêng vẫn còn lớn, mức giảm đầu mối chưa đáp ứng định hướng của Trung ương; nhiều trường có quy mô nhỏ, hiệu quả khai thác cơ sở vật chất, đội ngũ và nguồn lực đầu tư chưa cao.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ, Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026, Công văn số 814/TTg-CV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã, việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục công lập cần tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ và quyết liệt hơn. Việc sắp xếp không chỉ nhằm tinh gọn đầu mối tổ chức mà còn hướng tới đổi mới mô hình quản trị nhà trường, hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô lớn; sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất; cơ cấu lại đội ngũ theo hướng giảm đầu mối quản lý, tăng tỷ lệ giáo viên trực tiếp giảng dạy; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm quyền học tập của học sinh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư của Nhà nước.

Theo yêu cầu của Chính phủ, các địa phương phải tập trung rà soát, hoàn thiện phương án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm hoạt động ổn định, không làm ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh, đạt mục tiêu giảm tối thiểu 30% số đầu mối cơ sở giáo dục công lập; đối với các địa phương có điều kiện thuận lợi phấn đấu giảm khoảng 50% đầu mối so với thời điểm ngày 01/7/2025 phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển của từng địa phương; gần sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh với mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, để đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Do đó, việc ban hành ***“Đề án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị”*** là yêu cầu khách quan và cần thiết, nhằm cụ thể hóa đầy đủ chủ trương của Trung ương và của tỉnh; tiếp tục cơ cấu lại mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực nhà nước; nâng cao chất lượng quản trị nhà trường, chất lượng giáo dục và tạo nền tảng để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển giáo dục của tỉnh đến năm 2030 và các giai đoạn tiếp theo.

2. Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý



2.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
- Kết luận số 221-KL/TW ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp;
- Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị;
- Kết luận số 123-TB/TU ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 7;
- Thông báo số 64-TB/VPTU ngày 05/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với UBND tỉnh và các sở, ngành về tình hình sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập, bố trí nguồn lực trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030;
- Thông báo số 424-TB/TU ngày 18/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 17;
- Quyết định 719/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2025);
- Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ);
- Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;



- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ);

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương;

- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

- Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ, Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT ngày 04/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú.

- Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24/3/2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

- Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

- Công văn số 8150/BNV-TCBC ngày 18/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW;

- Công văn số 6165/BGDĐT-GDPT ngày 02/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp; Công văn số 6365/BGDĐT-TCCB ngày 09/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công văn số 7907/BGDĐT-GDPT ngày 02/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai Kết luận 221-KL/TW;

- Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

- Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

- Công văn số 4291/BGDĐT-GDPT ngày 08/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục theo Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ.

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ ĐỊNH HƯỚNG SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

a) Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông và thường xuyên phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chuyển trọng tâm từ giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Bảo đảm tinh gọn, giảm tối thiểu 30% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập, nơi có điều kiện thuận lợi giảm khoảng 50% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập so với thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.

c) Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mỗi quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”.

d) Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, bảo đảm mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết 71-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị.

e) Bảo đảm quá trình sắp xếp được triển khai đồng bộ, khoa học, đúng lộ trình; không làm ảnh hưởng đến hoạt động dạy học, tâm lý học sinh, giáo viên và phụ huynh; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, viên chức, người lao động; tạo sự thống nhất, đồng thuận trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Nguyên tắc sắp xếp

a) Việc sắp xếp cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên công lập phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt, bền vững.

b) Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; kế thừa và phát huy kết quả đã triển khai; bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, không chồng chéo, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ của

từng loại hình cơ sở giáo dục; việc sắp xếp không làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và tỉnh.

c) Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục - đào tạo.

d) Lấy người học làm trung tâm, bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; tuyệt đối không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục. Hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh; tổ chức thực hiện linh hoạt, khoa học, phù hợp với thực tiễn từng vùng miền; bảo đảm thuận lợi cho người dạy, người học, người quản lý.

e) Gắn sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư.

f) Việc sắp xếp cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên, nghề nghiệp công lập phải gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026 - 2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

g) Ưu tiên sắp xếp các trường cùng cấp những nơi có điều kiện đi lại thuận lợi để bảo đảm tính chất thống nhất trong quản lý và giảng dạy, học tập, sử dụng nhân lực. Thực hiện mô hình trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trung học cơ sở và trung học phổ thông) tại các khu vực dân cư thưa thớt hoặc nơi có điều kiện đi lại khó khăn không thể thực hiện phương án sắp xếp 02 trường cùng cấp.

h) Không thực hiện sáp nhập nếu khoảng cách địa lý giữa nơi ở và trường học quá xa hoặc điều kiện giao thông không phù hợp; không sáp nhập cơ học để giảm trường nhưng tăng điểm trường.

i) Bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện; trên cơ sở ý kiến đề xuất, thống nhất của các địa phương và Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Tiêu chí sắp xếp

3.1. Về tiêu chí chung

Không sáp nhập trường phổ thông với trung tâm GDNN-GDTX; không sắp xếp cơ sở giáo dục chuyên biệt với các trường phổ thông đại trà (trừ trường hợp theo Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới).

3.2. Về quy mô, địa lý

a) Quy mô: Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ, chưa bảo đảm tiêu chuẩn tối thiểu về quy mô trường, lớp⁵, các trường có vị trí địa lý liền kề nhằm

⁵ Theo dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Văn bản dự thảo lần 2).



hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô hợp lý, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt, bền vững, cụ thể:

+ Trường THPT: có quy mô tối thiểu 24 lớp. Đối với trường tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn có quy mô tối thiểu 15 lớp. Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, quy mô số lớp căn cứ số lượng đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô tối thiểu 25 lớp (đối với trường có 02 cấp học), tối thiểu 35 lớp (đối với trường có 3 cấp học). Đối với trường tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn có quy mô tối thiểu 09 lớp. Đối với trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông nội trú, quy mô số lớp căn cứ số lượng đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Địa lý: các trường thuộc diện xem xét, sắp xếp là các cơ sở có khoảng cách gần nhau mà trong đó cả 02 trường cùng có quy mô nhỏ hoặc 01 trong các trường sắp xếp có quy mô nhỏ, chưa đạt chuẩn.

3.3. Về mô hình

Các cơ sở giáo dục có sắp xếp tổ chức theo 02 mô hình:

- **Mô hình 1:** Trường THPT quy mô lớn (hoặc Trung tâm GDTX) có các phân hiệu: Cấu trúc gồm 01 trường chính có các phân hiệu, điểm trường.

Cơ cấu nhân sự gồm: 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, 01 bộ phận hành chính - nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù (thuộc vị trí việc làm hỗ trợ ngoài bộ phận hành chính - nhân sự); các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi phân hiệu có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

- **Mô hình 2:** Trường THCS và THPT quy mô lớn: Mô hình này được thực hiện tại một địa điểm hoặc các địa điểm khác nhau. Cấu trúc gồm 01 trường chính, có các phân hiệu, điểm trường thuộc nhiều cấp học.

Cơ cấu nhân sự gồm: 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, bộ phận hành chính - nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù (thuộc vị trí việc làm hỗ trợ ngoài bộ phận hành chính - nhân sự); các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với cấp học, phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về cấp học, quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi phân hiệu có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

3.4. Về phân hiệu, điểm trường

Các trường sau khi sắp xếp bố trí trường chính (trụ sở chính), các phân hiệu, điểm trường còn lại trước mắt được duy trì ổn định. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát, thu gọn các điểm trường lẻ, phân tán; tập trung đầu tư cơ sở vật chất tại các trường chính (trụ sở chính), phân hiệu theo lộ trình phù hợp, bảo đảm khoảng cách đi học của học sinh, điều kiện dạy học và yêu cầu phát triển lâu dài.

3.5. Tiêu chí khác (tên gọi, trụ sở chính của trường mới)

- Việc đặt tên cơ sở giáo dục sau khi sắp xếp được nghiên cứu trên cơ sở truyền thống, lịch sử trường, ý nghĩa của tên mới; tham khảo ý kiến đồng thuận của chính quyền, nhân dân địa phương và đội ngũ nhà giáo, người lao động, học sinh của các trường.

Trụ sở chính của cơ sở giáo dục sau sắp xếp được khảo sát, đánh giá và đặt tại trụ sở trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt, thuận lợi hơn để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý.

3.6. Gắn việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục công lập với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; bố trí, sử dụng đúng vị trí việc làm, đúng chuyên môn; từng bước giảm biên chế quản lý, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy theo định hướng của Chính phủ.

Cơ cấu nhân sự gồm: 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, 1 bộ phận hành chính - nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chức chuyên môn được tổ chức phù hợp với phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học.

Sau khi sắp xếp, số lượng cấp phó có thể nhiều hơn so với quy định (sau khi đã thực hiện cân đối chung trong tổng thể các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh) và thực hiện sắp xếp theo đúng quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1 Đối với các trường chuyên biệt

Trước mắt, giữ nguyên tổ chức và hoạt động của 08 trường chuyên biệt hiện có, gồm:

- 02 trường THPT chuyên: Võ Nguyên Giáp, Lê Quý Đôn.
- 02 trường PT DTNT THPT: Quảng Trị, Nam Quảng Trị.
- 04 cơ sở GD CB: tỉnh Quảng Trị, Lệ Thủy, Đồng Hới, Quảng Trạch.

Đây là các cơ sở giáo dục được thành lập theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành nhằm thực hiện những nhiệm vụ giáo dục đặc thù, có chức năng, nhiệm vụ, đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục và cơ chế tổ chức riêng; giữ vai trò quan trọng trong phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện chính sách dân tộc và bảo đảm quyền học tập của học sinh khuyết tật, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ rà soát nghiên cứu phương án sắp xếp, tổ chức quản lý các trường chuyên biệt theo đúng quy

định. Phương án sắp xếp báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/12/2026 để xem xét, quyết định; tổ chức triển khai thực hiện, hoàn thành việc sắp xếp trước ngày 30/6/2027.

2. Đối với các trung tâm GDNN-GDTX

Thực hiện Đề án số 2676/ĐA-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh, Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 11/5/2026, đã hoàn thành việc sắp xếp hệ thống GDTX, GDNN-GDTX trên địa bàn tỉnh, giảm từ 18 trung tâm xuống còn 13 trung tâm (giảm khoảng 27,8% đầu mỗi), chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2026.

Đến nay, các trung tâm mới được thành lập đang tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ viên chức, tiếp nhận cơ sở vật chất, tài sản, hồ sơ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và từng bước ổn định hoạt động chuyên môn. Vì vậy, tiếp tục giữ nguyên hệ thống 13 Trung tâm GDNN-GDTX hiện có, đồng thời tiếp tục theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động sau sắp xếp; trên cơ sở đó, giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu định hướng phát triển hệ thống Trung tâm GDNN-GDTX theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, từng bước xây dựng mô hình trường trung học nghề theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi), đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

3. Đối với các trường phổ thông

Thực hiện sắp xếp 16 trường thành 08 trường THPT hoặc trường liên cấp THCS và THPT; sáp nhập Trường THCS Hiền Thành (xã Cửa Tùng) vào trường THPT Cửa Tùng thành Trường THCS và THPT Cửa Tùng đáp ứng điều kiện về quy mô số lớp, có hệ thống giao thông thuận lợi, khoảng cách đi lại hợp lý, điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ phát triển tương đồng, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, phù hợp với định hướng phát triển của các địa phương. Sau sắp xếp từ 55 trường còn 47 trường, giảm 08 trường, cụ thể:

- THCS và THPT: 10 trường;
- THPT: 37 trường, giảm 08 trường;

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện, hoàn thành việc sắp xếp trước ngày 31/8/2026.

4. Chưa thực hiện sắp xếp đối với các cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ điều kiện thực tế của các cơ sở giáo dục thuộc Sở, đề xuất chưa thực hiện sắp xếp đối với 02 cơ sở giáo dục công lập chưa đủ số lớp tối thiểu (Trường THPT Bùi Dục Tài và Trường THPT Hướng Phùng) có vị trí địa lý cách biệt; địa bàn quản lý rộng; giao thông đi lại khó khăn, phức tạp và khoảng cách giữa các trường, khu dân cư xa. Việc sắp xếp có thể ảnh hưởng đến việc huy động học sinh đến trường, khó khăn cho công tác quản lý, tổ chức dạy học và duy trì sĩ số học sinh và các năm tới dự báo nguồn tuyển sinh sẽ tăng lên đảm bảo quy mô tối thiểu theo quy định.

(Chi tiết Phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 2 đính kèm).



5. Kết quả thực hiện sắp xếp

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, sau khi thực hiện sắp xếp, dự kiến toàn tỉnh còn 68 cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, giảm 14 trường, đạt tỷ lệ 17,7%, cụ thể:

- THPT: 41 trường, giảm 09 trường;
- THCS và THPT: 10 trường;
- Trung tâm GDNN-GDTX: 13 trung tâm, giảm 05 trung tâm.
- Trường Giáo dục chuyên biệt: 04 trường.

IV. HIỆU QUẢ SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị được thực hiện trên cơ sở bám sát định hướng của Trung ương, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, điều kiện thực tiễn của từng địa phương và bảo đảm quyền học tập của học sinh. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp, mạng lưới cơ sở giáo dục công lập của tỉnh được tổ chức theo hướng tinh gọn, hợp lý, tạo chuyển biến rõ nét về hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực và nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như sau:

1. Tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh: Sau sắp xếp, toàn tỉnh giảm từ 82 cơ sở giáo dục công lập (đã tiếp nhận 03 Trung tâm Giáo dục/Nuôi dạy trẻ khuyết tật cấp xã tổ chức thành 03 trường GDCB thuộc Sở, đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2026) xuống còn 68 cơ sở giáo dục, giảm 14 trường (đạt 17,7%), góp phần cùng với các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã thực hiện giảm 51,8% (cấp xã giảm 55,23%) cơ sở giáo dục công lập vượt chỉ tiêu theo chỉ đạo của Chính phủ. Việc hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô hợp lý, góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong chỉ đạo, quản lý, điều hành các cơ sở giáo dục công lập theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp; tập trung các nguồn lực.

2. Cơ bản khắc phục tình trạng các trường có quy mô nhỏ, không đạt tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định. Sau sắp xếp mạng lưới trường lớp được tổ chức lại theo hướng tập trung, hợp lý hơn, phù hợp với phân bố dân cư, điều kiện địa lý và hạ tầng giao thông của từng địa bàn; các điểm trường lẻ không đáp ứng tiêu chuẩn được thu gọn có lộ trình, gắn với việc đầu tư nâng cấp điểm trường chính, qua đó bảo đảm điều kiện học tập tốt hơn cho học sinh, đồng thời vẫn giữ được nguyên tắc không làm giảm cơ hội tiếp cận giáo dục, đặc biệt tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực (biên chế, tài chính, cơ sở vật chất):

Việc giảm đầu mối và tổ chức lại quy mô trường lớp tạo điều kiện thuận lợi để cơ cấu lại, phân bổ hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Cụ thể: Hạn chế tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các trường, các cấp học; tăng khả năng bố trí giáo viên theo đúng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; Giảm áp lực về biên chế trong tình hình đang thiếu



biên chế như hiện nay.

Bên cạnh đó, việc tập trung đầu tư cơ sở vật chất tại các trường chính/trụ sở chính giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, giảm chi phí duy tu, bảo dưỡng dàn trải; đồng thời tạo điều kiện để đầu tư đồng bộ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục và điều kiện tổ chức dạy học. Các cơ sở giáo dục sau sắp xếp có quy mô đủ lớn, bảo đảm số lớp tối thiểu theo quy định, tạo điều kiện tổ chức dạy học ổn định, hiệu quả hơn nhờ việc bố trí đủ định mức giáo viên theo bộ môn của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

5. Góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược về phát triển giáo dục và cải cách bộ máy đã được xác định trong mục tiêu của Đề án, bao gồm:

- Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp; nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Cơ cấu lại đội ngũ viên chức gắn với vị trí việc làm; giảm biên chế quản lý, hỗ trợ giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước.
- Hướng đến mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030, có tối thiểu 80% trường đạt chuẩn quốc gia.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thành các quy trình, thủ tục trình UBND tỉnh ban hành Đề án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý trước ngày 21/8/2026;

- Hoàn thành việc sắp xếp, các cơ sở giáo dục công lập sau sắp xếp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/9/2026.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định, gắn với mục tiêu đến năm 2030 có 80% trường học đạt chuẩn quốc gia; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ và UBND tỉnh trước ngày 03/9/2026.

b) Chủ trì xây dựng, ban hành Đề án tổng thể thành lập các trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện cân đối, điều chỉnh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên từ đơn vị thừa sang đơn vị thiếu để bảo đảm định mức quy định, sử dụng có hiệu quả nhân lực hiện có trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các xã, phường rà soát, nghiên cứu phương án sắp xếp, tổ chức quản lý các trường chuyên biệt theo đúng quy định.

đ) Thực hiện sắp xếp và thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ dôi dư sau

sắp xếp theo đúng quy định hiện hành.

e) Xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; ưu tiên hoàn thiện điều kiện tại các điểm trường chính trước khi tiếp nhận trẻ em, học sinh từ các điểm trường lẻ; chỉ đạo thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai, cơ sở vật chất trang thiết bị và hồ sơ, tài liệu giữa các cơ sở giáo dục theo đúng quy định.

f) Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với học sinh; bảo đảm quyền học tập, không làm giảm cơ hội tiếp cận giáo dục, duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng giáo dục; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để tổ chức tốt năm học 2026-2027.

g) Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập có quy mô nhỏ, chưa đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thu gọn các điểm trường không bảo đảm điều kiện về quy mô, cơ sở vật chất; sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với điều kiện thực tiễn, quy hoạch phát triển của địa phương và định hướng của Trung ương.

2. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án thành lập các trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới; xây dựng phương án sắp xếp các trường chuyên biệt theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc thực hiện chuyển giao, tiếp nhận tài sản, kinh phí, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách và tài sản nhà nước theo đúng quy định.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo lập quy hoạch; rà soát, điều chỉnh bổ sung việc thực hiện quy hoạch, nhằm bảo đảm quỹ đất cho các trường thực hiện mục tiêu phát triển, sắp xếp theo quy hoạch trong thời gian tới.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo kế hoạch sử dụng đất của các cơ sở giáo dục, bảo đảm quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục theo kế hoạch phát triển giáo dục.

6. UBND các xã, phường: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục thuộc diện sắp xếp trên địa bàn thực hiện các nội dung của Đề án theo đúng lộ trình, bảo đảm hiệu quả, ổn định và đúng quy định./. *nk*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, KGVX_(Vũ Hà). *nk*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

PHỤ LỤC 1
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ GIAO NĂM 2026 VÀ SỐ VIÊN CHỨC CÓ MẶT CỦA SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Đề án số 14160 /ĐA-UBND ngày 22 / 8 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2026				Biên chế hiện có (15/8/2026)			
		Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
1	Trường THCS và THPT Trung Hóa	44	3	36	5	38	2	32	4
2	Trường THCS và THPT Hóa Tiến	51	3	43	5	41	2	37	2
3	Trường THCS và THPT Bắc Sơn	46	3	38	5	41	3	33	5
4	Trường THCS và THPT Việt Trung	48	3	41	4	48	3	40	5
5	Trường THCS và THPT Dương Văn An	57	3	50	4	56	3	48	5
6	Trường THPT Minh Hóa	50	3	42	5	46	3	41	2
7	Trường THPT Tuyên Hóa	52	3	44	5	52	3	45	4
8	Trường THPT Phan Bội Châu	46	3	38	5	45	3	40	2
9	Trường THPT Lê Trực	56	3	48	5	53	2	48	3
10	Trường THPT Lương Thế Vinh	94	3	85	6	94	3	85	6
11	Trường THPT Lê Hồng Phong	77	3	69	5	77	3	70	4
12	Trường THPT Quang Trung	98	3	89	6	91	3	85	3
13	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	68	3	60	5	68	3	62	3
14	Trường THPT số 2 Lê Lợi	52	3	45	4	52	3	45	4
15	Trường THPT Lê Quý Đôn	79	3	71	5	78	3	71	4

TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2026				Biên chế hiện có (15/8/2026)			
		Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
16	Trường THPT Hùng Vương	51	3	44	4	50	2	45	3
17	Trường THPT Trần Phú	67	3	59	5	67	3	59	5
18	Trường THPT Nguyễn Trãi	80	3	72	5	73	3	65	5
19	Trường THPT Ngô Quyền	71	3	63	5	68	3	60	5
20	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	115	3	101	11	111	3	97	11
21	Trường THPT Đào Duy Từ	80	3	72	5	79	3	71	5
22	Trường THPT Đồng Hới	61	3	54	4	59	3	52	4
23	Trường THPT Phan Đình Phùng	82	3	74	5	79	3	71	5
24	Trường PT DTNT THPT Quảng Trị	44	3	32	9	43	4	30	9
25	Trường THPT Quảng Ninh	57	3	50	4	57	3	50	4
26	Trường THPT Ninh Châu	65	3	57	5	65	3	57	5
27	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	41	3	34	4	41	3	34	4
28	Trường THPT Lệ Thủy	70	3	62	5	68	3	60	5
29	Trường THPT Trần Hưng Đạo	68	3	60	5	66	3	59	4
30	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	56	3	48	5	54	3	47	4
31	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	74	3	66	5	74	3	67	4
32	Trường THCS và THPT Bến Quan	47	3	39	5	49	3	41	5
33	Trường THCS và THPT Bến Hải	55	3	46	6	57	2	49	6
34	Trường THCS và THPT Cồn Tiên	57	3	47	7	58	3	49	6

TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2026				Biên chế hiện có (15/8/2026)			
		Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
35	Trường THCS và THPT Cửa Việt	58	3	50	5	62	3	54	5
36	Trường THCS và THPT Đakrông	58	3	50	5	53	3	47	3
37	Trường THPT Vĩnh Linh	72	3	64	5	75	3	67	5
38	Trường THPT Cửa Tùng	58	3	49	6	62	3	53	6
39	Trường THPT Gio Linh	76	3	67	6	80	4	70	6
40	Trường THPT Chế Lan Viên	70	3	62	5	70	3	63	4
41	Trường THPT Cam Lộ	72	3	63	6	73	3	64	6
42	Trường THPT Lê Thế Hiếu	30	3	24	3	30	2	25	3
43	Trường THPT Đakrông	56	3	49	4	56	3	49	4
44	Trường THPT Hướng Hóa	70	3	64	3	71	3	65	3
45	Trường THPT Lao Bảo	44	3	39	2	44	3	39	2
46	Trường THPT Hướng Phùng	34	3	26	5	33	3	25	5
47	Trường THPT A Túc	35	3	29	3	36	3	30	3
48	Trường THPT Đông Hà	76	3	67	6	79	3	70	6
49	Trường THPT số 1 Lê Lợi	77	3	69	5	78	3	70	5
50	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	92	3	79	10	87	3	74	10
51	Trường THPT Chu Văn An	61	3	54	4	63	3	56	4
52	Trường THPT Vĩnh Định	60	3	53	4	59	2	54	3
53	Trường THPT Triệu Phong	102	3	91	8	104	5	91	8

TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2026				Biên chế hiện có (15/8/2026)			
		Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
54	Trường THPT Quảng Trị	75	3	66	6	76	3	67	6
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	56	3	49	4	57	3	50	4
56	Trường THPT Hải Lăng	72	3	64	5	72	2	65	5
57	Trường THPT Bùi Dục Tài	51	3	43	5	53	3	45	5
58	Trường THPT Trần Thị Tâm	47	3	40	4	47	3	40	4
59	Trường PT DTNT THPT Nam Quảng Trị	42	3	32	7	40	3	30	7
60	Trường Giáo dục chuyên biệt tỉnh Quảng Trị	47	3	27	17	41	3	30	8
61	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Trị	34	3	26	5	33	4	24	5
62	Trung tâm GDNN-GDTX Minh Hóa	21	3	13	5	20	3	12	5
63	Trung tâm GDNN-GDTX Tuyên Hóa	20	3	14	3	18	2	13	3
64	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Đồn	40	3	28	9	40	5	26	9
65	Trung tâm GDNN-GDTX Bố Trạch	22	3	14	5	21	3	13	5
66	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Ninh	15	3	10	2	15	2	11	2
67	Trung tâm GDNN-GDTX Lệ Thủy	17	3	11	3	14	2	10	2
68	Trung tâm GDNN-GDTX KV Vĩnh Linh	34	3	27	4	32	3	25	4
69	Trung tâm GDNN-GDTX KV Gio Linh	27	3	17	7	26	3	16	7
70	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Quảng Trị	51	3	40	8	55	5	41	9
71	Trung tâm GDNN-GDTX KV Đakrông	21	3	13	5	17	3	9	5
72	Trung tâm GDNN-GDTX KV Hướng Hóa	27	3	20	4	26	3	19	4

TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2026				Biên chế hiện có (15/8/2026)			
		Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tổng biên chế	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
73	Trung tâm GDNN-GDTX KV Triệu Hải	47	3	32	12	45	4	29	12
74	Trường Giáo dục chuyên biệt Đồng Hới	21	3	13	5	21	3	14	4
75	Trường Giáo dục chuyên biệt Lệ Thủy	20	3	11	6	20	3	12	5
76	Trường Giáo dục chuyên biệt Quảng Trạch	34	3	21	10	33	3	22	8
Tổng cộng		4,201	228	3,559	414	4,135	227	3,534	374



PHỤ LỤC 2

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Đề án số 12160 /ĐA-UBND ngày 22 / 8 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giám trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng ĐBK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
1	CÁC TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT																			
1	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	1	Đồng Hới		1	1	36	1253	115	35	Giữ nguyên	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	1	1	36	1253	115	0		1
2	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1	Nam Đông Hà		1	1	28	913	92	33	Giữ nguyên	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1	1	28	913	92	0		1
3	Trường PTDT nội trú THPT Quảng Trị	1	Đồng Thuận		1	1	15	508	44	34	Giữ nguyên	Trường PTDT nội trú THPT Quảng Trị	1	1	15	508	44	0		1
4	Trường PTDT nội trú THPT Nam Quảng Trị	1	Quảng Trị		1	1	12	418	42	35	Giữ nguyên	Trường PTDT nội trú THPT Nam Quảng Trị	1	1	12	418	42	0		1
5	Trường Giáo dục chuyên biệt tỉnh Quảng Trị	1	Đồng Hà			1	16	131	47		Giữ nguyên	Trường Giáo dục chuyên biệt tỉnh Quảng Trị	1	1	16	131	47	0		
6	Trường Giáo dục chuyên biệt Lệ Thủy	1	Lệ Thủy			1	8	60	20		Giữ nguyên	Trường Giáo dục chuyên biệt Lệ Thủy	1	1	8	60	20	0		
7	Trường Giáo dục chuyên biệt Đồng Hới	1	Đồng Hới			1	8	82	21		Giữ nguyên	Trường Giáo dục chuyên biệt Đồng Hới	1	1	8	82	21	0		

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giám trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng ĐBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
8	Trường Giáo dục chuyên biệt Quảng Trạch	1	Quảng Trạch			1	13	96	34		Giữ nguyên	Trường Giáo dục chuyên biệt Quảng Trạch	1	1	13	96	34	0		
II CÁC TRUNG TÂM GDNN-GDTX																				
1	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Trị	1	Đồng Thuận			1	44	1841	34	42	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Trị	1	1	44	1841	34	0		
2	Trung tâm GDNN-GDTX Minh Hóa	1	Minh Hóa	III		1	5	100	21	20	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Minh Hóa	1	1	5	100	21	0		
3	Trung tâm GDNN-GDTX Tuyên Hóa	1	Đồng Lê	III		2	9	337	20	37	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Tuyên Hóa	1	2	9	337	20	0		
4	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Đồn	1	Ba Đồn			2	19	703	41	37	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Đồn	1	2	19	703	41	0		
5	Trung tâm GDNN-GDTX Bố Trạch	1	Hoàn Lão			1	8	312	22	39	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Bố Trạch	1	1	8	312	22	0		
6	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Ninh	1	Quảng Ninh			1	7	224	15	32	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Ninh	1	1	7	224	15	0		
7	Trung tâm GDNN - GDTX Lệ Thủy	1	Trường Phú	II		1	8	256	17	32	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN - GDTX Lệ Thủy	1	1	8	256	17	0		

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giảm trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng DBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
8	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Linh	1	Vĩnh Linh			2	17	684	34	40	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Linh	1	2	17	684	34	0		
9	Trung tâm GDNN-GDTX Gio Linh	1	Gio Linh			2	12	385	27	32	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Gio Linh	1	2	12	385	27	0		
10	Trung tâm GDNN-GDTX Đakrông	1	Hướng Hiệp	III		1	6	141	21	24	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Đakrông	1	1	6	141	21	0		
11	Trung tâm GDNN-GDTX Hướng Hóa	1	Khe Sanh	III		2	10	318	27	32	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Hướng Hóa	1	2	10	318	27	0		
12	Trung tâm GDNN-GDTX Triệu Hải	1	Diên Sanh			5	5	72	47	14	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Triệu Hải	1	5	5	72	47	0		
13	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Quảng Trị	1	Đông Hà			3	9	271	51	30	Giữ nguyên	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Quảng Trị	1	3	9	271	51	0		
III	CÁC TRƯỜNG THCS và THPT, THPT																			
1	Trường THPT Hải Lăng	1	Diên Sanh		1	1	28	1223	72	44	Hợp nhất	Trường THPT Hải Lăng	1	2	46	1999	119	1	8,5 km	1
2	Trường THPT Trần Thị Tâm	1	Vĩnh Định		1	1	18	776	47	43										
3	Trường THPT Bùi Dục Tài	1	Nam Hải Lăng		C	1	20	814	51	41	Giữ nguyên	Trường THPT Bùi Dục Tài	1	1	20	814	51	0		C

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giám trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng ĐBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
4	Trường THPT Quảng Trị	1	Quảng Trị		1	1	30	1328	75	44	Hợp nhất	Trường THPT Quảng Trị	1	2	51	2237	131	1	2 km	Xây dựng lại
5	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	Quảng Trị		C	1	21	909	56	43										
6	Trường THPT Chu Văn An	1	Triệu Phong		1	1	23	924	61	40	Hợp nhất	Trường THPT Vĩnh Định	1	2	46	1926	121	1	7,5 km	1
7	Trường THPT Vĩnh Định	1	Triệu Cơ		1	1	23	1002	60	44										
8	Trường THPT Triệu Phong	1	Nam Cửa Việt		1	1	36	1273	102	35	Giữ nguyên	Trường THPT Triệu Phong	1	1	36	1273	102	0		1
9	Trường THPT số 1 Lê Lợi	1	Nam Đông Hà		1	1	32	1373	76	43	Đổi tên	Trường THPT Lê Lợi	1	1	32	1373	76	0		1
10	Trường THPT Chế Lan Viên	1	Hiếu Giang		1	1	26	1101	70	42	Giữ nguyên	Trường THPT Chế Lan Viên	1	1	26	1101	70	0		1
11	Trường THPT Đông Hà	1	Đông Hà		1	1	33	1414	76	43	Giữ nguyên	Trường THPT Đông Hà	1	1	33	1414	76	0		1
12	Trường THPT Cam Lộ	1	Cam Lộ		1	1	28	1208	72	43	Hợp nhất	Trường THPT Cam Lộ	1	2	39	1667	102	1	11,1 km	1
13	Trường THPT Lê Thế Hiếu	1	Cam Lộ		1	1	11	459	30	42										
14	Trường THCS&THPT Cửa Việt	1	Cửa Việt		C	1	25	1042	58	42	Giữ nguyên	Trường THCS và THPT Cửa Việt	1	1	25	1042	58	0		C
15	Trường THPT Cửa Tùng	1	Cửa Tùng		1	1	23	1020	58	44	Hợp nhất	Trường THCS và THPT Cửa Tùng	1	2	33	1405	81	0	4,3 km	1
	Trường THCS Hiền Thành	1	Cửa Tùng		1	1	10	385	23	38.5										
16	Trường THCS&THPT Cồn Tiên	1	Cồn Tiên	III	C	1	26	1059	57	41	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Cồn Tiên	1	1	26	1059	57	0		C

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giám trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng DBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
17	Trường THCS&THPT Bến Quan	1	Bến Quan	III	I	1	21	845	47	40	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Bến Quan	1	1	21	845	47	0		I
18	Trường THPT Gio Linh	1	Gio Linh		I	1	30	1336	76	45	Giữ nguyên	Trường THPT Gio Linh	1	0	30	1336	76	0		I
19	Trường THCS&THPT Bến Hải (Khỏi THPT)	1	Vĩnh Thủy		C	1	14	617	25	44	Hợp nhất	Trường THPT Vĩnh Linh	1	2	44	1949	97	1	6km; Tách khối THCS Trường THCS và THPT Bến Hải chuyển về cho xã Vĩnh Thủy	Xây dựng lại
20	Trường THPT Vĩnh Linh	1	Vĩnh Linh		I	1	30	1332	72	44										
21	Trường THPT Hướng Phùng	1	Hướng Phùng	III	C	1	14	540	34	39	Giữ nguyên	Trường THPT Hướng Phùng	1	1	14	540	34	0		C
22	Trường THPT A Túc	1	Lia	III	C	1	17	704	35	41	Giữ nguyên	Trường THPT A Túc	1	1	17	704	35	0		C
23	Trường THPT Lao Bảo	1	Lao Bảo	III	C	1	22	938	44	43	Giữ nguyên	Trường THPT Lao Bảo	1	1	22	938	44	0		C
24	Trường THPT Hướng Hóa	1	Khe Sanh	III	C	1	30	1317	70	44	Giữ nguyên	Trường THPT Hướng Hóa	1	1	30	1317	70	0		C
25	Trường THCS&THPT Đakrông	1	Tà Rụt	III	C	1	25	721	58	29	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Đakrông	1	1	25	721	128	0		C
26	Trường THPT Đakrông	1	Hướng Hiệp	III	C	1	24	1024	56	43	Giữ nguyên	Trường THPT Đakrông	1	1	24	1024	56	0		C

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giảm trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng ĐBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
27	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	1	Lệ Thủy		1	1	34	1408	74	41	Giữ nguyên	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	1	1	34	1408	74	0		1
28	Trường THPT Lệ Thủy	1	Lệ Thủy		1	1	31	1294	70	42	Giữ nguyên	Trường THPT Lệ Thủy	1	1	31	1294	70	0		1
29	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1	Sen Nư		1	1	30	1247	68	42	Giữ nguyên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1	1	30	1247	68	0		1
30	Trường THCS&THPT Dương Văn An	1	Cam Hồng		C	1	27	1079	57	40	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Dương Văn An	1	1	27	1079	57	0		C
31	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1	Lệ Ninh		1	1	24	994	56	41	Giữ nguyên	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1	1	24	994	56	0		1
32	Trường THPT Ninh Châu	1	Quảng Ninh		QH	1	29	1213	65	42	Giữ nguyên	Trường THPT Ninh Châu	1	1	29	1213	65	0		QH
33	Trường THPT Quảng Ninh	1	Trường Ninh		1	1	25	1043	57	42	Hợp nhất	Trường THPT Quảng Ninh	1	2	43	1790	98	1	4 km	Xây dựng lại
34	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	1	Trường Ninh		C	1	18	747	41	42		Trường THPT Quảng Ninh								
35	Trường THPT Đồng Hới	1	Đồng Sơn		1	1	30	1276	61	43	Giữ nguyên	Trường THPT Đồng Hới	1	1	30	1276	61	0		1
36	Trường THPT Đào Duy Từ	1	Đồng Hới		1	1	38	1602	80	42	Giữ nguyên	Trường THPT Đào Duy Từ	1	1	38	1602	80	0		1
37	Trường THPT Phan Đình Phùng	1	Đồng Hới		1	1	39	1651	82	42	Giữ nguyên	Trường THPT Phan Đình Phùng	1	1	39	1651	82	0		1

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giám trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng DBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
38	Trường THPT Lê Quý Đôn	1	Hoàn Lão		1	1	37	1545	79	42	Giữ nguyên	Trường THPT Lê Quý Đôn	1	1	37	1545	79	0		1
39	Trường THPT Ngô Quyền	1	Hoàn Lão		C	1	32	1317	71	41	Giữ nguyên	Trường THPT Ngô Quyền	1	1	32	1317	71	0		C
40	Trường THPT Nguyễn Trãi	1	Phong Nha	III	1	1	37	1556	80	42	Giữ nguyên	Trường THPT Nguyễn Trãi	1	1	37	1556	80	0		1
41	Trường THPT Hùng Vương	1	Bố Trạch	III	QH	1	24	958	51	40	Giữ nguyên	Trường THPT Hùng Vương	1	1	24	958	51	1		1
42	Trường THPT Trần Phú	1	Bắc Trạch	III	QH	1	28	1165	67	42	Giữ nguyên	Trường THPT Trần Phú	1	1	28	1165	67	2		1
43	Trường THCS&THPT Việt Trung	1	Nam Trạch	III	1	1	23	923	48	40	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Việt Trung	1	1	23	923	48	0		1
44	Trường THPT số 2 Lê Lợi	1	Nam Gianh		1	1	23	952	52	41	Hợp nhất	Trường THPT Lê Lợi	1	2	58	2425	129	1	3 km	1
45	Trường THPT Lê Hồng Phong	1	Nam Gianh		1	1	35	1473	77	42		Trường THPT Lê Hồng Phong	1	1	42	1750	94	0		1
46	Trường THPT Lương Thế Vinh	1	Ba Đồn		1	1	42	1750	94	42	Giữ nguyên	Trường THPT Lương Thế Vinh	1	1	42	1750	94	0		1
47	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	1	Quảng Trạch		1	1	32	1365	68	43	Giữ nguyên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	1	1	32	1365	68	0		1
48	Trường THPT Quang Trung	1	Phủ Trạch	III	1	1	48	2102	98	44	Giữ nguyên	Trường THPT Quang Trung	1	1	48	2102	98	0		1

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại (số liệu tính đến thời điểm 15/7/2026)									Tỷ lệ HS/lớp	Nội dung sắp xếp	Kết quả sau sắp xếp						Giám trường	Ghi chú	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG sau sắp xếp
	Tên trường	Số trường	Xã, phường	Thôn, xã thuộc vùng DBKK, KK, miền núi	Tình trạng/ Mức đạt chuẩn QG	Điểm trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			Tên trường (dự kiến)	Số trường	Điểm trường (gồm Trường chính và phân hiệu)	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2026			
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13	14	22	20	21	22
49	Trường THPT Phan Bội Châu	1	Tuyên Bình	III	1	1	19	819	46	43	Hợp nhất	Trường THPT Lê Trực	1	2	44	1897	102	1	11 km	1
50	Trường THPT Lê Trực	1	Tuyên Hóa	III	1	1	25	1078	56	43										
51	Trường THPT Tuyên Hóa	1	Đồng Lê	III	1	1	24	1030	52	43	Giữ nguyên	Trường THPT Tuyên Hóa	1	1	24	1030	52	0		1
52	Trường THCS&THPT Bắc Sơn	1	Tuyên Lâm	III	1	1	22	851	46	39	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Bắc Sơn	1	1	42	1273	46	0		1
53	Trường THPT Minh Hóa	1	Minh Hóa	III	1	1	22	938	50	43	Giữ nguyên	Trường THPT Minh Hóa	1	1	22	938	50	0		1
54	Trường THCS&THPT Trung Hóa	1	Kim Phú	III	1	1	21	865	44	41	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Trung Hóa	1	1	49	1775	44	0		1
55	Trường THCS&THPT Hóa Tiến	1	Tân Thành	III	1	1	25	961	51	38	Giữ nguyên	Trường THCS&THPT Hóa Tiến	1	1	25	961	51	0		1

96

